

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 6 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	681	690	9	12.650	113.850	
102	8	754	768	14	12.650	177.100	
103	7	531	533	2	12.650	25.300	
104	8	472	484	12	12.650	151.800	
105	7	448	448	0	12.650	0	
106	8	478	478	0	12.650	0	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	594	604	10	12.650	126.500	
110	8	294			12.650	0	
111	7	477	480	3	12.650	37.950	
112	8	719	731	12	12.650	151.800	
113	8	499	513	14	12.650	177.100	
114	7	452	469	17	12.650	215.050	
201	8	617	636	19	12.650	240.350	
202	5	451	456	5	12.650	63.250	
203	7	1167	1190	23	12.650	290.950	
204	4	589	610	21	12.650	265.650	
205	8	787			12.650	0	
206	5	682	705	23	12.650	290.950	
207	7	1074	1099	25	12.650	316.250	
208	8	811	834	23	12.650	290.950	
209	8	980	985	5	12.650	63.250	
210	8	962	983	21	12.650	265.650	
211	8	1250	1273	23	12.650	290.950	
212	7	736	747	11	12.650	139.150	
213	7	804	811	7	12.650	88.550	
214	6	807	825	18	12.650	227.700	
301	7	750	750	0	12.650	0	
302	8	710	731	21	12.650	265.650	
303	8	899	899	0	12.650	0	
304	7	613	637	24	12.650	303.600	
305	6	594	605	11	12.650	139.150	
306	7	801	811	10	12.650	126.500	
307	PSHC				12.650	0	
308		115			12.650	0	
309	8	677	693	16	12.650	202.400	

310	8	702	710	8	12.650	101.200
311	5	605	618	13	12.650	164.450
312	7	629	642	13	12.650	164.450
313	6	652	665	13	12.650	164.450
314	7	797	801	4	12.650	50.600
401	7	741	760	19	12.650	240.350
402	8	653	663	10	12.650	126.500
403	8	800	824	24	12.650	303.600
404	8	593	608	15	12.650	189.750
405	8	441	453	12	12.650	151.800
406	8	493	514	21	12.650	265.650
407	8	601	620	19	12.650	240.350
408	5	634	651	17	12.650	215.050
409	8	414	416	2	12.650	25.300
410	8	494	495	1	12.650	12.650
411	8	444	444	0	12.650	0
412	8	416	426	10	12.650	126.500
413	8	584	594	10	12.650	126.500
414	8	387			12.650	0
501	7	491	505	14	12.650	177.100
502	7	348	350	2	12.650	25.300
503	7	351	360	9	12.650	113.850
504	8	413	426	13	12.650	164.450
505	8	411	421	10	12.650	126.500
506	8	427	442	15	12.650	189.750
507	7	264	267	3	12.650	37.950
508	8	219	219	0	12.650	0
509	8	456	458	2	12.650	25.300
510	8	244	249	5	12.650	63.250
511	8	243	254	11	12.650	139.150
512	8	365	365	0	12.650	0
513	8	270	280	10	12.650	126.500
514	8	425	426	1	12.650	12.650
Cộng	488			705		8.918.250

(Bằng chữ: Tám triệu chín trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi đồng)

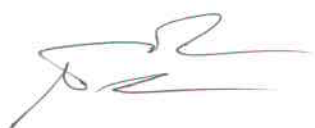
PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP




ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà